

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thuý Hằng và ông Nguyễn Quốc Tú

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Lan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thuý Linh - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 151/2024/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hà Thị D, sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: xóm K, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

2. Bị đơn: anh Ngô Văn T, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT: xóm K, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn T kết hôn với nhau vào ngày 20 tháng 12 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không có hạnh

phúc, anh **T** không có trách nhiệm với gia đình, đã ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, không còn tình cảm với nhau nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **Ngô Văn T**.

Về con chung: Chị và anh **Ngô Văn T** có hai con chung là **Ngô Quang Đ**, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2005 và **Ngô Quang H**, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2009. Ly hôn chị **D** có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung **Ngô Quang Đ** đã đủ tuổi trưởng thành và đã có công việc ổn định nên chị **D** không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: chị **D** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn là anh **Ngô Văn T**:*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh **T** biết đồng thời tổng đạt các tài liệu, giấy triệu tập hợp lệ cho thân nhân của anh **T** nhưng anh **T** vẫn không có mặt để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến xác minh và hành niêm yết các tài liệu, chứng cứ tại địa phương nơi anh **T** cư trú theo đúng quy định tại điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án đã thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.
- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án: Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại điều 51, điều 236, điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật
- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hà Thị D** là cho ly hôn với anh **Ngô Văn T**; Việc nuôi con: đề nghị hội đồng xét xử giao con chung là **Ngô Quang H**, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2009 cho chị **D** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **T** do chị **D** không yêu cầu; Về án phí: Nguyên đơn chị **Hà Thị D** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị **Hà Thị D** có nơi cư trú tại **xóm K, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An** yêu cầu ly hôn với anh **Ngô Văn T** là bị đơn có nơi cư trú tại **xóm K, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An** do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Bị đơn anh **Ngô Văn T** có hộ khẩu thường trú tại xóm K, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh **T** biết đồng thời tổng đạt các tài liệu, giấy triệu tập hợp lệ cho thân nhân của anh **T**. Qua xác minh được biết việc chị **D** yêu cầu ly hôn anh **T** biết nhưng không hợp tác và không có ý kiến gì. Toà án đã tiến hành niêm yết các tài liệu, giấy triệu tập và các chứng cứ tại địa phương nơi anh **T** cư trú theo đúng quy định tại điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị **Hà Thị D** và anh **Ngô Văn T** kết hôn với nhau vào ngày 20 tháng 12 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, anh **T** không có trách nhiệm với gia đình nên đã ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Xét thấy tình cảm giữa chị **D** và anh **T** không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Hà Thị D**.

2.2. Về con chung: chị **Hà Thị D** và anh **Ngô Văn T** có hai con chung là **Ngô Quang Đ**, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2005 và **Ngô Quang H**, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2020. Quá trình chị **D** và anh **T** sống ly thân thì chị **D** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung nên chị **D** có nguyện vọng được nuôi con. Các con chung có nguyện vọng ở với mẹ, để đảm bảo quyền lợi cho con chung, hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung là **Ngô Quang H** cho chị **D** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành là phù hợp. Đối với con chung **Ngô Quang Đ** đã đủ tuổi trưởng thành và đã có việc làm ổn định nên chị **D** không có yêu cầu gì.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **T** do chị **D** không yêu cầu.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: chị **Hà Thị D** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị **Hà Thị D** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 điều 227, điểm b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 58, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hà Thị D.**

1. Về hôn nhân: cho chị **Hà Thị D** ly hôn với anh **Ngô Văn T.**

2. Việc nuôi con: Giao con chung là **Ngô Quang H**, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2020 cho chị **D** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành. Đối với con chung **Ngô Quang Đ1**, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2009 đã đủ tuổi trưởng thành và đã có việc làm ổn định nên chị **D** không yêu cầu. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **T** do chị **D** không yêu cầu.

Anh **T** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật thì có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án chị **Hà Thị D** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị **D** đã nộp tại biên lai thu tiền số 0012366 ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn.

4. Nguyên đơn chị **Hà Thị D** có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh **Ngô Văn T** có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND h. Nghĩa Đàn
- Chi cục THADS h. Nghĩa Đàn
- TAND tỉnh Nghệ An
- UBND xã Nghĩa Lộc (nơi ĐKKH)
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hương

